

QUYẾT ĐỊNH

Về việc sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số nội dung của Quy chế Chi tiêu nội bộ

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHA TRANG

Căn cứ Quyết định số 155/CP, ngày 16/8/1966 của Hội đồng Chính phủ về việc thành lập và quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Trường Thủy sản - nay là Trường Đại học Nha Trang;

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; Nghị định số 111/2025/NĐ-CP ngày 22/5/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 56/2022/TT-BTC ngày 16/9/2022 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; xử lý tài sản, tài chính khi tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị quyết số 32/NQ-ĐHNT ngày 03/12/2024 của Hội đồng trường ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Nha Trang; Nghị quyết số 13/NQ-ĐHNT ngày 10/7/2025 sửa đổi, bổ sung Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Nha Trang;

Căn cứ Nghị quyết số 39/NQ-ĐHNT ngày 20/9/2022 của Hội đồng Trường ban hành Quy chế tài chính;

Căn cứ Nghị quyết số 02/NQ-ĐHNT ngày 05/4/2025 của Hội đồng trường về Phiên họp thứ XVII của Hội đồng trường nhiệm kỳ 2020-2025;

Căn cứ Công văn số 6094/BGDĐT-KHTC ngày 01/10/2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Góp ý dự thảo Quy chế chi tiêu nội bộ;

Xét đề nghị của Phòng Kế hoạch – Tài chính, Ban Chế độ và Công đoàn Trường Đại học Nha Trang.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số nội dung của Quy chế Chi tiêu nội bộ của Trường Đại học Nha Trang được ban hành kèm theo Quyết định số 845/QĐ-ĐHNT ngày 20/7/2023 của Hiệu trưởng, chi tiết trong phụ lục kèm theo.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01/9/2025.

Các khoản chi phí phát sinh đến thời điểm ban hành Quyết định này tiếp tục được thực hiện theo Quy chế Chi tiêu nội bộ hiện hành.

Điều 3. Các Trường đơn vị, các đoàn thể, viên chức và người lao động của Trường Đại học Nha Trang chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Bộ GD&ĐT (để báo cáo);
- Đảng ủy, HĐT, CĐT;
- Kho bạc Nhà nước Khu vực XIV;
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, BCĐ, KHTC.

HIỆU TRƯỞNG



Quách Hoài Nam

PHỤ LỤC
SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, BÃI BỎ MỘT SỐ NỘI DUNG CỦA
QUY CHẾ CHI TIÊU NỘI BỘ CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHA TRANG
(Kèm theo Quyết định số 1664/QĐ-ĐHNT ngày 28./10./2025
của Hiệu trưởng Trường Đại học Nha Trang)

I. BÃI BỎ MỘT SỐ NỘI DUNG

1. Bãi bỏ nội dung chi tại Điều 9

2. Bãi bỏ nội dung chi tại Khoản 1 Điều 18

Mỗi năm học Nhà trường sẽ trích 50.000.000 đồng để khen thưởng 05 SV có điểm thi IELTS/TOEFL (quốc tế) cao nhất trong toàn trường (10.000.000 đồng/SV). Chi tiết nội dung chi thưởng SV thực hiện theo Thông báo số 791/TB-ĐHNT ngày 19/11/2019 của Hiệu trưởng về việc khuyến khích phong trào học tiếng Anh trong SV.

3. Bãi bỏ nội dung chi tại Khoản 1 Điều 20

- VC được công nhận chức danh Phó Giáo sư: thưởng 30.000.000 đồng; chức danh Giáo sư: thưởng 50.000.000 đồng.

4. Bãi bỏ nội dung chi tại Khoản 2 Điều 28

- Khen thưởng đối với VC, NLD đạt danh hiệu GV tiêu biểu, VC quản lý tiêu biểu hoặc VC hành chính tiêu biểu, trong năm học: Cuối mỗi năm học, chọn tối đa 05 GV tiêu biểu, 01 VC quản lý tiêu biểu, 02 VC hành chính tiêu biểu cấp Trường thưởng kỳ nghỉ dưỡng trị giá 10 triệu/người để đi nghỉ cùng với gia đình. Thưởng

- Khen thưởng cá nhân hoặc tập thể có hoạt động hợp tác tiêu biểu có đóng góp hiệu quả cho Trường: thưởng kỳ nghỉ dưỡng với trị giá 10.000.000 đồng/người, tối đa 3 người/năm (theo mục V Phụ lục VI về chế độ khuyến khích hoạt động hợp tác đối ngoại).

- Khen thưởng đối với VC đạt danh hiệu Nhà giáo nhân dân, Nhà giáo ưu tú: Ngoài chi thưởng theo mức thưởng tại Nghị định số 91/2017/NĐ-CP (kinh phí do Bộ Giáo dục và Đào tạo chi trả), Trường chi thưởng từ Quỹ khen thưởng của Trường đối với GV đạt danh hiệu Nhà giáo ưu tú, Nhà giáo nhân dân: 15.000.000 đồng/nhà giáo.

- Khen thưởng sinh viên đạt kết quả học tập Giỏi hoặc Xuất sắc (xét vào cuối năm học, chỉ áp dụng đối với SV hệ chính quy):

+ Sinh viên đạt loại Xuất sắc cả năm: 800.000 đồng/SV (400.000 đồng/học kỳ);

+ Sinh viên đạt loại Giỏi cả năm: 600.000 đồng/SV (300.000 đồng/học kỳ).

5. Bãi bỏ nội dung tại Phụ lục I

6. Bãi bỏ nội dung tại Mục I, Phụ lục III

7. Bãi bỏ nội dung tại Khoản 2, Mục II, Phụ lục III

8. Bãi bỏ nội dung tại Khoản 5, Mục II, Phụ lục III

Tiền thưởng là 05 triệu đồng cho đề tài cấp Trường.

9. Bãi bỏ nội dung tại Mục V Phụ lục VI

II. SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ NỘI DUNG

1. Sửa đổi nội dung chi tại Điều 10

Thanh toán tiền lương dạy thêm giờ

- Tùy theo quy mô đào tạo và nhu cầu về đội ngũ GV so với khối lượng giờ giảng, căn cứ đề xuất nhận nhiệm vụ của từng GV, Hiệu trưởng sẽ giao định mức giảng dạy cao hơn định mức chuẩn đối với một số GV, tối đa đến 350 giờ /năm học¹.

- Việc thanh toán tiền lương dạy thêm giờ được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 21/2025/TT-BGDĐT ngày 23/09/2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định chế độ trả tiền lương dạy thêm giờ đối với nhà giáo trong các cơ sở giáo dục công lập.

2. Sửa đổi nội dung chi tại Khoản 1 Điều 11

- Đối với Giảng viên trợ giảng cho GV có học vị, chức danh cao hơn: tính như đồng giảng, số giờ trợ giảng được thanh toán vào khối lượng giảng dạy của năm học, theo mức thanh toán đối với chức danh đang giữ (hệ số 1,00 trở lên theo chức danh)

- Đối với trợ giảng là giảng viên tập sự, viên chức hành chính tham gia trợ giảng: thanh toán vào khối lượng giảng dạy của năm học, theo mức thanh toán đối với chức danh trợ giảng (hệ số 0,8).

- Đối với trợ giảng là học viên Cao học, người làm việc tại các doanh nghiệp, cơ sở khác ngoài Trường: 80% mức mời giảng tương ứng. Đối với trợ giảng là SV năm cuối: 50.000 đồng/giờ²

3. Sửa đổi nội dung chi tại Khoản 2 Điều 11

Thực hiện theo Quy định của Nhà trường về chế độ trợ giảng.

4. Sửa đổi nội dung chi tại Khoản 1 Điều 12

Đối với giờ hướng dẫn thực hành: số giờ thanh toán quy đổi như cách tính giờ thực hành theo Quyết định số 266/QĐ-ĐHNT ngày 26/02/2025 của Hiệu trưởng.

Bậc đào tạo	Đối tượng	Đơn giá (Đồng/giờ)
Đại học	GV chưa có trình độ Thạc sĩ	80.000
	GV có trình độ Thạc sĩ	100.000
	GV có trình độ Tiến sĩ, hoặc GV chính	120.000
	GV cao cấp, hoặc Giáo sư, hoặc Phó Giáo sư	150.000
	Hướng dẫn chuyên đề TN, đồ án TN	100.000
	Hướng dẫn đồ án học phần	75.000
Sau đại học	GV mời trong tỉnh KH hoặc các tỉnh, thành khác	150.000
	GV mời từ TPHCM hoặc Hà Nội	180.000

¹ Áp dụng đến hết học kỳ I năm học 2025-2026

² Phòng Tổ chức – Nhân sự lập bảng thanh toán sau khi hoàn thành nhiệm vụ (có xác nhận của GV phụ trách học phần).

Học phần QPAN	Cựu GV hoặc SQBP đã từng GD tại Trường	80.000
	Sĩ quan thuộc các đơn vị quân đội	60.000

Hệ số lớp đông:

Sĩ số (SV)	Đến 80	81-100	101-120	121-140	141-160	Trên 160
Hệ số	1,0	1,1	1,2	1,3	1,4	1,5

Thanh toán đối với GV được mời hướng dẫn Luận văn Cao học, Luận án Tiến sĩ: thanh toán đồng mức theo đơn giá mời giảng trong tỉnh Khánh Hòa.

5. Sửa đổi nội dung chi tại Khoản 2 Điều 12

- Chi phí đi lại và lưu trú (đối với GV mời giảng và thành viên hội đồng từ các địa phương khác):

+ Tiền tàu xe: thanh toán theo vé xe lửa giường nằm (khoảng 4 giường) và khoán đi lại 2 đầu ga: 500.000 đồng. Nếu đi bằng phương tiện khác (có kèm chứng từ) thì thanh toán theo giá vé xe lửa tương ứng.

Đối với GV được mời giảng bậc Sau Đại học hoặc có chức danh Giáo sư hoặc Phó Giáo sư: Thanh toán vé máy bay (hạng phổ thông) và khoán đi lại 2 đầu sân bay: 600.000 đồng.

+ Lưu trú: GV mời giảng và thành viên hội đồng từ các địa phương khác lưu trú tại Nhà khách của Trường. Trong trường hợp Nhà khách hết chỗ (có xác nhận của Trung tâm Phục vụ trường học (PVTH)) thì thanh toán theo hoá đơn thuê chỗ ở ngoài với mức tối đa 400.000 đồng/người/ngày hoặc khoán 250.000 đồng/người/ngày nếu không có hóa đơn.

+ Hỗ trợ tiền ăn: 200.000 đồng/người/ngày.

Ngay sau khi kết thúc đợt giảng, Khoa/Bộ môn (hoặc đơn vị mời giảng) làm thủ tục thanh toán cho GV mời giảng.

6. Sửa đổi nội dung chi tại Khoản 1 Điều 13

- Tiền tàu xe:

+ Thanh toán theo chứng từ, mức tối đa tương đương giá vé tàu lửa giường nằm (nếu thanh toán theo giá vé máy bay hạng phổ thông phải được Hiệu trưởng phê duyệt). Nếu sử dụng xe ô tô cá nhân thì thanh toán tiền xăng, định mức 0,15 lít/km (đối với chuyến đi có 1-2 VC, NLĐ), hoặc định mức 0,18 lít/km (đối với chuyến đi có 3-5 VC, NLĐ), tính theo giá xăng A95 tại thời điểm đi công tác và chi phí cầu đường (có chứng từ) nhưng không vượt quá giá vé xe lửa giường nằm chặng tương ứng; không tính chi phí hai đầu ga.

+ Riêng Bí thư, Phó bí thư Đảng ủy Trường; Chủ tịch và Phó chủ tịch Hội đồng trường; Hiệu trưởng và các Phó Hiệu trưởng; GV có chức danh GS hoặc Phó GS: Thanh toán vé máy bay (hạng phổ thông).

- Khoản tiền đi lại hai đầu ga: 500.000 đồng/người; hai đầu sân bay: 600.000 đồng/người.

- Phụ cấp lưu trú: 300.000 đồng/ngày³.

- Tiền ở: thanh toán theo hóa đơn thuê phòng⁴.

Đối với viên chức là viên chức quản lý được hưởng hệ số phụ cấp chức vụ theo chức danh lãnh đạo đó từ 0,8 đến 1,20:

+ Đi công tác tại các thành phố trực thuộc trung ương: 1.200.000 đồng/ngày/phòng theo tiêu chuẩn một người/một phòng.

+ Đi công tác tại các tỉnh: 800.000 đồng/ngày/phòng theo tiêu chuẩn một người/một phòng.

Đối với viên chức và người lao động còn lại:

+ Đi công tác tại các thành phố trực thuộc trung ương: 1.400.000 đồng/ngày/phòng theo tiêu chuẩn hai người/một phòng hoặc 700.000 đồng/ngày/phòng nếu đi lẻ.

+ Đi công tác tại các tỉnh: 1.100.000 đồng/ngày/phòng theo tiêu chuẩn hai người/một phòng hoặc 550.000 đồng/ngày/phòng nếu đi lẻ.

- Tiền ở: Thanh toán theo hình thức khoán.

Đối với viên chức là viên chức quản lý được hưởng hệ số phụ cấp chức vụ theo chức danh lãnh đạo đó từ 0,8 đến 1,20:

+ Đi công tác tại các thành phố trực thuộc trung ương: 800.000 đồng/ngày/người.

+ Đi công tác tại các tỉnh: 600.000 đồng/ngày/người.

Đối với viên chức và người lao động còn lại:

+ Đi công tác tại các thành phố trực thuộc trung ương: 600.000 đồng/ngày/người

+ Đi công tác tại các tỉnh: 500.000 đồng/ngày/người.

7. Sửa đổi nội dung chi tại Khoản 3 Điều 13

- Tiền tàu xe: Theo chứng từ, nếu thực tập trong tỉnh Khánh Hòa được hỗ trợ 2.000 đồng/km.

- Đi lại trên địa bàn: 200.000 đồng/tỉnh/đợt/người hoặc khoán 300.000 đồng/tỉnh/đợt/người nếu đi kiểm tra từ 2 cơ sở trở lên hoặc thanh toán theo chứng từ thực tế đã chi trả (biên lai đi taxi hoặc hóa đơn tài chính).

- Tiền ở, phụ cấp lưu trú: Thanh toán theo chế độ công tác phí nhưng không quá 07 ngày.

³ Căn cứ Thông tư số 12/2025/TT-BTC ngày 19/3/2025 của Bộ Tài chính.

⁴ Căn cứ Thông tư số 12/2025/TT-BTC ngày 19/3/2025 của Bộ Tài chính.

8. Sửa đổi nội dung chi tại Khoản 1 Điều 14

- Văn phòng phẩm phục vụ thi và in sao đề thi:

TT	Nội dung	Các Khoa/Viện sử dụng máy Photocopy do Nhà trường thuê	Các Khoa/Viện sử dụng máy Photocopy của Nhà trường
1	Thi kết thúc học phần:		
1.1	Học phần thi viết	500 đồng/SV/môn	700 đồng/SV/môn
1.2	Học phần thi trắc nghiệm	700 đồng/SV/môn	900 đồng/SV/môn
2	Thi giữa kỳ:		
2.1	Học phần thi viết	500 đồng/SV/môn	700 đồng/SV/môn
2.2	Học phần thi trắc nghiệm	700 đồng/SV/môn	900 đồng/SV/môn
3	Thi tốt nghiệp	3.000 đồng/SV	3.200 đồng/SV
4	Thi Ngoại ngữ không chuyên	2.000 đồng/SV/môn	2.200 đồng/SV/môn

- Văn phòng phẩm phục vụ công tác tốt nghiệp cho SV/Học viên:

TT	Nội dung	Các Khoa/Viện sử dụng máy Photocopy do Nhà trường thuê	Các Khoa/Viện sử dụng máy Photocopy của Nhà trường
1	Phục vụ công tác chấm đề án/chuyên đề tốt nghiệp cho SV	1.500 đồng/SV	2.000 đồng/SV
2	Phục vụ công tác chấm thực tập Nghề cao học	1.500 đồng/HV	2.000 đồng/HV
3	Phục vụ công tác chấm Luận văn thạc sĩ	3.500 đồng/HV	4.000 đồng/ HV
4	Phục vụ công tác chấm Đề án tốt nghiệp thạc sĩ	3.000 đồng/ HV	3.500 đồng/HV

Thời hạn thanh toán: sau mỗi đợt thi hoặc đợt tốt nghiệp⁵.

⁵ Hình thức thanh toán: Đơn vị lập danh sách các môn thi hoặc danh sách SV/HV làm chuyên đề, đề tài tốt nghiệp (theo mẫu), có xác nhận của Phòng ĐTDH, Phòng ĐTSĐH kèm chứng từ.

9. Sửa đổi nội dung chi tại Khoản 2 Điều 14

Tùy theo khối lượng và tính chất công việc từng đơn vị để khoán định mức chi mua giấy, mực máy in, các văn phòng phẩm thiết yếu. Trường hợp in số lượng nhiều (các loại phiếu, sổ, mẫu biểu...) thì Giám hiệu xem xét duyệt riêng.

TT	Đơn vị	Định mức (đồng/tháng)
1	Văn phòng Khoa/Viện có số SV ≤ 2000	200.000
2	Văn phòng Khoa/Viện có số SV > 2000	250.000
3	Trung tâm GDQP&AN	300.000
4	Phòng ĐTDH	1.000.000
5	Phòng ĐTSDH	400.000
6	Phòng CTCT&SV	600.000
7	Phòng KH&CN	600.000
8	Phòng HTQT	500.000
9	Phòng ĐBCL&KT	500.000
10	Phòng KH-TC	1.500.000
11	Phòng TC-NS	700.000
12	Phòng TT-PC	600.000
13	Phòng Hạ tầng và Công nghệ Thông tin	1.000.000
14	Thư viện	500.000
15	Trung tâm ĐT&BD	600.000
16	Trung tâm HTVL&KN	200.000
17	Trung tâm TN-TH	200.000
18	Trung tâm PVTH	500.000
19	VPT (bao gồm thực hiện công tác của Hội đồng trường, Đảng ủy)	1.500.000

Phòng KH-TC lập sổ theo dõi các khoản chi phí văn phòng phẩm của các đơn vị để báo cáo lãnh đạo (khi được yêu cầu).

10. Sửa đổi, bổ sung nội dung chi tại Khoản 2 Điều 15

Chức vụ	Mức khoán (đồng/tháng)
Chủ tịch Hội đồng trường, Phó Chủ tịch Hội đồng trường, Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng Bí thư, Phó Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch CĐ Trường	300.000
Trưởng/phó đơn vị thuộc Trường Thư ký Văn phòng Giám hiệu, Văn phòng Đảng ủy Bí thư Đoàn trường, Chủ tịch Hội SV, Tổ trưởng Tổ bảo vệ, Lái xe	200.000

VC giữ các chức vụ thuộc các đơn vị hoặc tổ chức khác nhau thì được hưởng mức khoán theo các chức vụ. Phòng TC-NS lập danh sách chi vào cuối năm.

11. Sửa đổi nội dung chi tại Khoản 2 Điều 16

Phụ cấp cho VC, NLĐ tham dự Hội nghị cấp Trường là 500.000 đồng/người, Hội nghị cấp đơn vị là 150.000 đồng/người.

12. Sửa đổi, bổ sung nội dung chi tại Khoản 3 Điều 16

- Hội nghị SV NCKH cấp trường:

TT	Các khoản chi	Mức chi
1	Báo cáo khoa học của SV	200.000 đồng/báo cáo
2	Giải thưởng cho SV - Giải nhất - Giải nhì - Giải ba - Giải khuyến khích	1.000.000 đồng/giải 700.000 đồng/giải 500.000 đồng/giải 300.000 đồng/giải
3	Giải thưởng cho người hướng dẫn - Giải nhất - Giải nhì - Giải ba - Giải khuyến khích	500.000 đồng/giải 400.000 đồng/giải 300.000 đồng/giải 200.000 đồng/giải

- Hội đồng chấm, đánh giá hồ sơ tham gia Hội nghị SV nghiên cứu khoa học cấp Trường:

Chức danh	Số tiền
Chủ tịch Hội đồng	225.000 đồng/người/hội đồng
Thành viên Hội đồng	150.000 đồng/người/hội đồng
Nhận xét của phản biện	110.000 đồng/người/đề tài
Nhận xét của thành viên HĐ	85.000 đồng/người/đề tài
Thư ký hành chính	50.000 đồng/người/hội đồng
Đại biểu tham dự	35.000 đồng/người

13. Sửa đổi nội dung chi tại Khoản 3 Điều 17

- Hội đồng Thi đua khen thưởng Trường: 300.000 đồng/thành viên/cuộc họp.

14. Sửa đổi nội dung chi tại Khoản 5 Điều 17

Chi phí cho các thành viên Hội đồng (là người ngoài trường, được Trường mời) tư vấn xác định đề tài, tuyển chọn đề tài, thẩm định tài chính đề tài và đánh giá nghiệm thu đề tài các cấp:

- Tiền viết nhận xét, tiền họp Hội đồng thực hiện các mức chi đã được phê duyệt trong thuyết minh đề tài hoặc trong kinh phí cấp hàng năm mà cơ quan quản lý đề tài cấp cho Nhà trường để tổ chức đánh giá nghiệm thu.

- Chi phí đi lại, ăn, ở của thành viên Hội đồng xét duyệt, nghiệm thu đề tài cấp Bộ, tỉnh, cấp Nhà nước mời ngoài Trường:

- + Tiền tàu xe: thanh toán máy bay hạng phổ thông. Trường hợp thành viên lựa chọn di chuyển bằng tàu, xe thì thanh toán theo vé tàu hoặc xe thực tế.

- + Khoản tiền đi lại hai đầu ga: 500.000 đồng/người; hai đầu sân bay: 600.000 đồng/người.

- + Tiền ở: 400.000 đồng/ngày (nếu có hóa đơn), hoặc 250.000 đồng/ngày nếu tự túc chỗ ở.

- + Phụ cấp lưu trú: 200.000 đồng/ngày.

15. Sửa đổi nội dung chi tại Khoản 6 Điều 17

Chức danh	Cấp Trường	Cấp đơn vị
Chủ tịch Hội đồng	300.000 đồng/người/buổi	200.000 đồng/người/buổi
Ủy viên thư ký	200.000 đồng/người/buổi	150.000 đồng/người/buổi
Ủy viên hội đồng	150.000 đồng/người/buổi	100.000 đồng/người/buổi

16. Bổ sung nội dung chi tại Khoản 7 Điều 17

- Phụ cấp trách nhiệm hội đồng chức danh Giáo sư cơ sở:
- + Chủ tịch hội đồng: 1.300.000 đồng/phiên họp;
- + Phó chủ tịch hội đồng: 900.000 đồng/phiên họp;
- + Thư ký hội đồng: 1.200.000 đồng/phiên họp.
- Tổ thẩm định năng lực ngoại ngữ của ứng viên: 210.000 đồng/thành viên/ứng viên.
- Tổ giúp việc và tổ giám sát: tính theo chế độ làm việc ngoài giờ.

17. Bổ sung nội dung chi tại Điều 17

- Hợp hội đồng tuyển sinh: 300.000 đồng/thành viên/cuộc họp.
- Cán bộ đầu mối tuyển sinh (Theo QĐ thành lập của Hiệu trưởng): 2.000.000 đồng/người/năm.

18. Bổ sung nội dung chi tại Khoản 1 Điều 18

- Chế độ khen thưởng dành cho SV:
- + Khen thưởng SV đạt kết quả học tập Giỏi hoặc Xuất sắc (xét vào cuối năm học, chỉ áp dụng đối với SV hệ chính quy):
 - SV đạt loại Xuất sắc cả năm: 800.000 đồng/SV (400.000 đồng/học kỳ);
 - SV đạt loại Giỏi cả năm: 600.000 đồng/SV (300.000 đồng/học kỳ);
 - SV đạt loại Giỏi cả năm có 01 học kỳ xuất sắc: 700.000 đồng/SV.
- + Khen thưởng cho SV đạt kết quả cao trong kỳ thi tuyển sinh đầu vào theo từng hình thức xét tuyển: 5.000.000 đồng/SV.
- + Khen thưởng khóa học (SV tốt nghiệp đạt loại Xuất sắc; Giỏi):
 - Xuất sắc: 1.000.000 đồng/SV;
 - Giỏi: 700.000 đồng/SV.

19. Sửa đổi nội dung chi tại Khoản 3 Điều 18

- Chi hỗ trợ hoạt động của Khoa/Viện: 01% học phí (tính theo số SV các lớp đại học hệ chính quy năm trước).
- Đầu năm tài chính, Phòng KH-TC thông báo số tiền dự chi cho từng Khoa/Viện. Các Khoa/Viện lập kế hoạch sử dụng kinh phí, trình Hiệu trưởng phê duyệt.
- Các nội dung chi sử dụng kinh phí hỗ trợ:
 - + Tổ chức các hoạt động văn thể, hoạt động phong trào của Khoa/Viện;
 - + Tổ chức Hội nghị học tốt - dạy tốt, hội nghị khoa học, seminar cấp Khoa/Viện;
 - + Tổ chức các cuộc thi về học thuật cho SV của Khoa/Viện;
 - + Các hoạt động đối ngoại của Khoa/Viện.

Trong đó tối thiểu chi cho các hoạt động của SV là 70%.

- Các Khoa/Viện/Trung tâm đào tạo không có SV thì dự trù kinh phí cho các hoạt động trong năm tài chính để trình Hiệu trưởng (qua Phòng KH-TC) xem xét, cân đối phê duyệt riêng.

20. Bổ sung nội dung chi tại Điều 18

- Chế độ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP: Thực hiện theo Quy chế thực hiện chế độ tiền thưởng của Trường Đại học Nha Trang.

21. Sửa đổi nội dung chi tại Khoản 1 Điều 20

- VC trong quy hoạch chức danh GS, Phó GS được tạo điều kiện hỗ trợ:

+ Thực hiện đề tài NCKH cấp Trường.

+ Thủ tục xuất bản sách, giáo trình và 50% phí xuất bản (tài liệu đã được Hiệu trưởng phê duyệt xuất bản), tối đa 20.000.000 đồng.

22. Bổ sung nội dung chi tại Khoản 1 Điều 23

- Chế độ bảo hiểm thân thể của VC, NLD trong Trường: Theo đơn giá của nhà cung cấp.

23. Bổ sung nội dung chi tại Khoản 2 Điều 23

- Chi trang phục và bảo hộ lao động: Đối với nhân viên hỗ trợ, phục vụ, định mức: 600.000 đồng/2 bộ/người/năm, giao cho Trung tâm PVTH mua sắm theo quy định của pháp luật hiện hành.

24. Sửa đổi nội dung chi tại Khoản 1 Điều 26

- Phụ cấp chức vụ chỉ huy Dân quân tự vệ thực hiện theo Điều 7, Nghị định số 72/2020/NĐ-CP ngày 30/6/2020; Nghị định số 16/2025/NĐ-CP ngày 04/02/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 72/2020/NĐ-CP ngày 30/6/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Dân quân tự vệ về tổ chức xây dựng lực lượng và chế độ chính sách đối với dân quân tự vệ, cụ thể:

TT	Chức vụ	Phụ cấp (đồng/tháng)
1	Chỉ huy trưởng, Chính trị viên Ban chỉ huy quân sự Trường	561.600
2	Phó Chỉ huy trưởng, Chính trị viên phó Ban chỉ huy quân sự Trường	514.800
3	Đại đội trưởng, Chính trị viên đại đội	468.000
4	Phó Đại đội trưởng, Chính trị viên phó đại đội	351.000
5	Trung đội trưởng	280.800
6	Tiểu đội trưởng	234.000

Ban Chỉ huy dân quân tự vệ lập danh sách chi phụ cấp vào cuối mỗi quý, trình Hiệu trưởng phê duyệt (qua Phòng TC-NS).

25. Sửa đổi nội dung tại Điều 27

Kết thúc năm tài chính, sau khi hạch toán đầy đủ các khoản thu, chi thường xuyên giao tự chủ, trích khấu hao tài sản cố định, trích lập nguồn cải cách tiền lương theo quy định, nộp thuế và các khoản nộp ngân sách nhà nước theo quy định, phân chênh lệch thu lớn hơn chi hoạt động thường xuyên giao tự chủ (nếu có), Nhà trường trích lập các quỹ sau:

- Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp: 20%
- Quỹ bổ sung thu nhập: 50%

Trong thời gian Chính phủ chưa ban hành chế độ tiền lương theo Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 21/5/2018 về cải cách chính sách tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và người lao động trong doanh nghiệp, trích lập Quỹ bổ sung thu nhập tối đa không quá 2 lần quỹ tiền lương ngạch, bậc, chức vụ và các khoản phụ cấp lương do Nhà nước quy định và tiền lương theo hợp đồng lao động (nếu có).

- Quỹ khen thưởng: 05%
- Quỹ phúc lợi: 25%

Mức trích tổng hai quỹ khen thưởng và phúc lợi: Trích lập tối đa không quá 2,5 tháng tiền lương và thu nhập tăng thêm bình quân thực hiện trong năm.

26. Sửa đổi nội dung chi tại Khoản 2 Điều 28

- Quỹ khen thưởng được dùng để thưởng định kỳ, thưởng đột xuất, thưởng danh hiệu thi đua cho tập thể, cá nhân theo kết quả công tác, thành tích đóng góp và cấp khen thưởng, trừ các trường hợp theo Quy chế thực hiện chế độ tiền thưởng của Trường Đại học Nha Trang.

- Mức khen thưởng thực hiện theo Nghị định số 152/2025/NĐ-CP ngày 14/6/2025 của Chính phủ quy định về phân cấp, phân quyền trong lĩnh vực thi đua, khen thưởng; Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi đua - Khen thưởng, cụ thể như sau:

TT	Danh hiệu thi đua	Thưởng theo Nghị định số 152/2025/NĐ-CP
1	Lao động tiên tiến	0,3 lần mức lương cơ sở
2	Chiến sĩ thi đua cơ sở	01 lần mức lương cơ sở
3	Tập thể LĐTT	0,8 lần mức lương cơ sở
4	Tập thể LĐXS	1,5 lần mức lương cơ sở

- Ngoài mức khen thưởng thực hiện theo Nghị định số 152/2025/NĐ-CP, Nhà trường thưởng cho VC-NLĐ với mức 250.000 đồng/người đối với tập thể LĐTT và Tập thể được đề nghị công nhận LĐXS.

27. Sửa đổi nội dung chi tại Khoản 1 Điều 29

Hàng tháng, Nhà trường chi hỗ trợ phụ cấp cho các VC, NLĐ làm công tác Đảng, đoàn thể (B là mức chi phụ cấp tháng tại Điều 5):

- Đảng uỷ (từ Chi uỷ viên trở lên)	16,5 B
- Công đoàn (từ Uỷ viên Ban chấp hành CĐ bộ phận trở lên)	11,0 B
- Đoàn thanh niên CS HCM (từ Bí thư đoàn Khoa trở lên)	11,0 B
- Hội SV (Ban Thư ký Hội)	3,5 B
- Ban Thanh tra Nhân dân	1,0 B
- Ban Nữ công Trường	0,5 B
- Hội Cựu chiến binh Trường	0,5 B

Các đoàn thể phải xây dựng Quy định cách thức chi phụ cấp, hàng tháng lập danh sách chi gửi phòng KH-TC để làm thủ tục thanh toán.

28. Sửa đổi, bổ sung nội dung chi tại Khoản 2 Điều 29

- Đầu năm tài chính, Phòng KH-TC thông báo số tiền hỗ trợ trong phạm vi 01% tổng học phí đào tạo chính quy (tính theo số SV năm trước) cho hoạt động của các tổ chức đoàn thể (Công đoàn, Đoàn thanh niên, Hội SV, Hội Cựu chiến binh...).

- Căn cứ vào kế hoạch hoạt động được cấp có thẩm quyền phê duyệt, các tổ chức đoàn thể lập kế hoạch tài chính hàng năm để thực hiện các hoạt động, trong đó cần xác định rõ tình hình tài chính của tổ chức mình và các khoản chi cho các hoạt động khác cần Nhà trường hỗ trợ, gửi Phòng KH-TC tổng hợp, cân đối kinh phí, trình Hiệu trưởng phê duyệt để thực hiện.

- Hỗ trợ sinh viên được huy động phục vụ các hoạt động của Nhà trường: 100.000 đồng/SV/ngày (50.000 đồng/SV/buổi).

29. Sửa đổi nội dung chi tại Điều 30

Ngày Kỷ niệm	Mức hỗ trợ	Đơn vị thực hiện
27/2 (Thầy thuốc VN)	200.000 đồng/VC y tế	Trung tâm PVTH
08/3 (Quốc tế Phụ nữ)	200.000 đồng/VC, NLĐ nữ	Ban Nữ công Trường
01/6 (Tết Thiếu nhi)	100.000 đồng/cháu dưới 16 tuổi con VC, NLĐ	Công đoàn Trường
27/7 (Thương binh liệt sĩ)	500.000 đồng/VC, SV là thương binh, con liệt sĩ	Phòng TCNS + CTCTSV

Tết Trung thu	100.000 đồng/cháu dưới 16 tuổi con VC, NLĐ	Công đoàn Trường
20/10 (Phụ nữ Việt Nam)	200.000 đồng/VC, NLĐ nữ	Ban Nữ công Trường
20/11 (Nhà giáo VN)	150.000 đồng/GV (GV trong đơn vị, GV kiêm nhiệm, GV thỉnh giảng)	Các Khoa/Viện đào tạo
	150.000 đồng/cựu giáo chức của Trường (theo số lượng thực tế tham dự Lễ)	Hội Cựu giáo chức
22/12 (Quân đội NDVN)	250.000 đồng/VC, SV là cựu quân nhân	Hội Cựu chiến binh

30. Sửa đổi nội dung chi tại Điều 31

Thực hiện theo Quy định về chính sách thu hút, hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực chất lượng cao của Trường Đại học Nha Trang.

31. Sửa đổi, bổ sung nội dung chi tại Khoản 1 Điều 32

- VC, NLĐ nằm viện từ 5 ngày trở lên: 1.000.000 đồng/lần nằm viện.
- Bố, mẹ, vợ, chồng, con VC, NLĐ nằm viện từ 5 ngày trở lên: 500.000 đồng/người/năm.
- VC, NLĐ mắc bệnh hiểm nghèo, tai nạn nghiêm trọng: 2.000.000 đồng/người. Nếu bệnh kéo dài hoặc di chứng nặng nề, Giám hiệu và Công đoàn trường sẽ xem xét mức hỗ trợ cụ thể.
- Viếng bố, mẹ, vợ, chồng, con VC, NLĐ từ trần: Vòng hoa và viếng theo mức khoán: 1.700.000 đồng (viếng 1.000.000 đồng, vòng hoa 700.000 đồng).
- Viếng nguyên Cán bộ hưu trí của Trường theo mức khoán: 1.200.000 đồng (viếng 500.000 đồng, vòng hoa: 700.000 đồng).

32. Bổ sung nội dung chi tại Khoản 6 Điều 32

- Thăm và tặng quà dịp Tết Nguyên đán: Cựu lãnh đạo Trường (Phó Chủ tịch Hội đồng trường): mức chi 1.000.000 đồng/người.

33. Bổ sung nội dung chi tại Khoản 7 Điều 32

- Tặng quà Ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11: Cựu lãnh đạo Trường (Chủ tịch Hội đồng trường, Phó Chủ tịch Hội đồng trường): 1.000.000 đồng/người.

34. Sửa đổi, bổ sung nội dung chi tại Khoản 8 Điều 32

- Tham quan nước ngoài tối đa 20 VC với mức chi 13.000.000 đồng/người (kể cả lệ phí làm visa, hộ chiếu).
- Tham quan trong nước: đơn vị lập kế hoạch tham quan đề Giám hiệu và Công đoàn Trường phê duyệt. Mức chi 1.500.000 đồng/người.
- Chế độ tham quan trong nước đối với nhân viên hỗ trợ, phục vụ. Mức chi: 750.000 đồng/người

35. Sửa đổi nội dung chi tại Khoản 1 Điều 33

- Các đơn vị trực thuộc Trường bao gồm các Viện nghiên cứu, Trung tâm KHCN, đào tạo và các bộ phận dịch vụ hoạt động theo chế độ tự hạch toán theo quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; Nghị định số 111/2025/NĐ-CP ngày 22/5/2025 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ), Thông tư số 56/2022/TT-BTC ngày 16/9/2022 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; xử lý tài sản, tài chính khi tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập và Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Nha Trang, gồm: Viện Nghiên cứu chế tạo tàu thủy, Trung tâm Nghiên cứu và Chế biến thực phẩm, Trung tâm Ngoại ngữ.

36. Sửa đổi nội dung chi tại Khoản 3 Điều 33

- Tài sản do Nhà nước và Nhà trường đầu tư tại các Viện và các Trung tâm trực thuộc, hạch toán độc lập được sử dụng cho các hoạt động chuyển giao công nghệ, sản xuất và làm dịch vụ phải có nghĩa vụ trích khấu hao theo quy định tại Thông tư 23/2023/TT-BTC ngày 25/4/2023 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu hao tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản cố định do Nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp. Tỷ lệ khấu hao tùy thuộc vào mức độ sử dụng cho hoạt động sản xuất kinh doanh dịch vụ của từng đơn vị và đơn vị phải có nghĩa vụ nộp về cho Nhà trường để thu hồi vốn đã được đầu tư⁶.

37. Sửa đổi nội dung chi tại Khoản 5 Điều 33

Các đơn vị trực thuộc xây dựng và ban hành Quy chế tài chính, Quy chế CTNB và các quy định khác theo quy định hiện hành, đảm bảo công tác hạch toán kế toán của các đơn vị được thực hiện đúng theo Quy chế CTNB của Trường và Thông tư số 24/2024/TT-BTC ngày 17/4/2024 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán hành chính, sự nghiệp.; các Thông tư hướng dẫn kế toán đơn vị sự nghiệp có thu của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán các đơn vị hành chính sự nghiệp thực hiện Luật Ngân sách Nhà nước.

Hàng năm các Viện, Trung tâm phải hoàn tất công tác kiểm kê vốn, vật tư, tài sản; khoá sổ để làm báo cáo quyết toán cuối năm và chuyển số dư sang niên độ kế toán mới và phải chịu trách nhiệm về quản lý tài chính trước các cơ quan thanh, kiểm tra. Phòng KH-TC có nhiệm vụ tổng hợp quyết toán của các Viện, Trung tâm vào báo cáo quyết toán tài chính hàng năm của trường.

Các đơn vị chưa có kế toán: trưởng đơn vị chịu trách nhiệm phân công người mở sổ sách theo dõi các khoản thu chi từ các hợp đồng, phân công người kiểm nhiệm thủ quỹ và lập báo cáo quyết toán theo định kỳ 6 tháng và hàng năm

⁶ Theo quy định tại Thông tư số 23/2023/TT-BTC chế độ quản lý, khấu hao TSCĐ tại cơ quan, tổ chức.

38. Sửa đổi nội dung chi tại Khoản 9, khoản 10 Điều 33

Quy định đối với Viện Nghiên cứu chế tạo tàu thủy, Trung tâm Nghiên cứu và Chế biến thực phẩm, Trung tâm Ngoại ngữ:

- Thực hiện trích và lập quỹ khấu hao nhằm bảo toàn vốn và tài sản đã được giao sử dụng, đầu tư. Mức trích lập quỹ khấu hao là 100% giá trị hao mòn theo Thông tư số 23/2023/TT-BTC ngày 25/4/2023 của các tài sản cố định tại Viện/Trung tâm đang sử dụng và phải có nghĩa vụ nộp về cho Nhà trường để thu hồi vốn đã được đầu tư.

- Các chi phí phục vụ cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu của Nhà Trường với các đơn vị trực thuộc thực hiện theo nguyên tắc hợp đồng dịch vụ.

- Hàng năm, Viện Nghiên cứu chế tạo tàu thủy, Trung tâm Nghiên cứu và Chế biến thực phẩm nộp cho Trường 02% doanh thu trước thuế. Nguồn này để đóng góp vào quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp của Trường.

- Trung tâm Ngoại ngữ có nghĩa vụ trích nộp kinh phí quản lý cho Trường như sau:

+ Đối với các lớp tổ chức dạy tại Trường: 15% tổng thu;

+ Đối với các lớp tổ chức dạy ngoài Trường: 02% tổng thu;

+ Đối với các học phần ngoại ngữ tăng cường không có trong chương trình chính khóa, Trường giao cho Trung tâm tổ chức đào tạo (các học phần A1, A2 Tiếng Anh, Nga, Pháp, Trung, Hàn, Nhật): Trường thu học phí và chuyển cho Trung tâm 60% tổng thu học phí để Trung tâm chi trả các chi phí đào tạo, bao gồm GV, quản lý lớp học, tổ chức thi, kiểm tra, đánh giá học phần, phụ đạo và các hoạt động ngoại khóa cho SV trong phạm vi các học phần này;

+ Cuối mỗi năm dựa vào Sổ cấp phát văn bằng chứng chỉ và các chứng từ có liên quan để xác định số tiền nộp về Trường.

39. Bổ sung nội dung tại Khoản 1 Điều 34

- Đối với các Hợp đồng dịch vụ, chuyển giao công nghệ, dịch vụ đào tạo, tư vấn thiết kế, hoặc các hợp đồng khác (trừ hợp đồng thực hiện đề tài, dự án NCKH) sau khi đã trừ các khoản thuế theo quy định của Nhà nước:

+ Để lại Trường 05% giá trị hợp đồng nếu không sử dụng cơ sở vật chất của Trường;

+ Để lại Trường 20% giá trị hợp đồng nếu sử dụng cơ sở vật chất của Trường.

40. Sửa đổi nội dung tại Phụ lục II

Các hoạt động giảng dạy của GV được chia ra 4 nhóm hoạt động:

Nhóm	Hoạt động	Hình thức tính	Ghi chú
A	Hoạt động giảng dạy trực tiếp trên lớp, gồm dạy lý	Quy đổi giờ chuẩn giảng dạy theo Quyết định số	

	thuyết, hướng dẫn thực hành, thực tập	266/QĐ-ĐHNT ngày 26/02/2025 của Hiệu trưởng ban hành Quy định chế độ làm việc của GV Trường Đại học Nha Trang	
B	Hướng dẫn đồ án, khóa luận, luận văn tốt nghiệp, chuyên đề tốt nghiệp	Thanh toán tiền	Thanh toán sau khi hoàn thành các công việc, cuối năm học nếu GV thiếu định mức thì quy đổi theo Quy định chế độ làm việc của GV GV phải hoàn trả lại số tiền đã được thanh toán và Thực hiện chế độ tiền lương, phụ cấp tháng theo Điều 5, Điều 6
C	Ra đề thi, coi thi, chấm thi. Các Hội đồng đánh giá		
D	Cố vấn học tập; Xây dựng và phát triển chương trình đào tạo mới; Biên soạn giáo trình, tài liệu tham khảo		

41. Sửa đổi nội dung tại Nhóm A, Phụ lục II

Thực hiện theo Quyết định số 266/QĐ-ĐHNT ngày 26/02/2025 của Hiệu trưởng ban hành Quy định chế độ làm việc của GV Trường Đại học Nha Trang.

42. Sửa đổi nội dung tại Nhóm B, Phụ lục II

TT	Nội dung công việc	Giờ chuẩn	Thanh toán tiền
1	Trình độ Đại học		100.000 đồng/giờ x hệ số chức danh và học vị ⁷
1.1	Hướng dẫn đồ án, khóa luận	20 giờ/ĐA	
1.2	Hướng dẫn chuyên đề tốt nghiệp	2 giờ/TC/CĐ	
2	Trình độ Sau đại học		

⁷ Hệ số chức danh và học vị:

-GV tập sự, Trợ giảng: 0,8

-GV chưa đạt Tiến sĩ, Sĩ quan biệt phái: 1,0

-GV có học vị Tiến sĩ, GV chính chưa Tiến sĩ: 1,2

-GV chính có học vị Tiến sĩ: 1,3

-GV cao cấp, Phó Giáo sư: 1,4

-Giáo sư: 1,5

2.1	Hướng dẫn Luận văn Cao học - Nếu học viên không bảo vệ LV khi hết thời hạn đào tạo, hoặc thay người hướng dẫn, thì thanh toán theo tỷ lệ đóng học phí của HV. - Nếu có 2 người hướng dẫn: hướng dẫn chính 60%, hướng dẫn phụ 40%.	- Định hướng nghiên cứu: 45 giờ/LV - Định hướng ứng dụng: 40 giờ/LV	
2.2	Hướng dẫn Nghiên cứu sinh NCS có 2 người hướng dẫn: hướng dẫn chính 70%, hướng dẫn phụ 30%	270 giờ/NCS, thanh toán theo tiến độ thực hiện của NCS: - HD tiểu luận tổng quan: 45 giờ - HD chuyên đề: 40 giờ/CD (2CD) - Hướng dẫn luận án: 145 giờ	
2.3	Hướng dẫn thực tập	16 giờ/HV	
2.4	Hướng dẫn Đồ án/Đề án	24 giờ/HV	

43. Sửa đổi, bổ sung nội dung tại Nhóm C, Phụ lục II

TT	Nội dung công việc	Thanh toán tiền
1.	Thi kết thúc học phần ĐH, CĐ	
1.1	Đánh giá học phần (cả thi giữa kỳ và cuối kỳ)	3.000 đồng * số TC * số SV
1.2	Coi thi, giám sát thi (*)	50.000 đồng/ca/ngày thường 70.000 đồng/ca/thứ 7, chủ nhật hoặc buổi tối
1.3	Đánh giá Thực tập (TT giáo trình, TT tổng hợp, TT chuyên ngành)	15.000 đồng/SV
2.	Thi kết thúc học phần thay thế ĐA/KL tốt nghiệp	

TT	Nội dung công việc	Thanh toán tiền
2.1	Ra đề thi và đáp án (3 bộ đề + đáp án)	140.000 đồng/TC/HP/ca thi
2.2	Chấm thi (tính bao gồm cho 2 lượt)	20.000 đồng/bài
2.3	Coi thi, giám sát thi (*)	80.000 đồng/ca/ngày thường; 100.000 đồng/ca/ thứ 7, chủ nhật hoặc buổi tối
2.4	Công tác đề thi (chọn đề, bảo mật, in sao, đóng gói đề thi)	3.000 đồng/SV
2.5	Phục vụ chấm thi (làm phách, văn phòng phẩm chấm thi,...)	3.000 đồng/SV
3.	Thi kết thúc học phần Sau ĐH	
3.1	Đánh giá học phần	4.500 đồng * số TC * số HV
3.2	Coi thi, giám sát thi (*)	60.000 đồng/ca/ngày thường 90.000 đồng/ca/chủ nhật
4	Các hội đồng đánh giá	
4.1	Chấm chuyên đề tốt nghiệp	140.000 đồng/CĐ/2 lượt
4.2	Hội đồng chấm đồ án, khóa luận	Chủ tịch: 105.000 đồng/SV Thư ký: 85.000 đồng/SV Phản biện: 175.000 đồng/SV Ủy viên: 70.000 đồng/SV
4.3	Hội đồng đánh giá đề cương Luận văn Cao học	Chủ tịch: 150.000 đồng/ĐC Thư ký: 120.000 đồng/ĐC Ủy viên: 100.000 đồng/ĐC/UV
4.4	Hội đồng đánh giá Luận văn Cao học (Ủy viên vắng mặt nếu có gửi bản phản biện hoặc nhận xét thanh toán bằng 70% mức tương ứng)	Chủ tịch: 600.000 đồng/LV Thư ký: 500.000 đồng/LV Phản biện: 850.000 đồng/LV/ UV Ủy viên: 400.000 đồng/LV/ UV
4.5	Hội đồng đánh giá Tiểu luận tổng quan	Chủ tịch: 600.000 đồng/ĐC

TT	Nội dung công việc	Thanh toán tiền
		Thư ký: 500.000 đồng/ĐC Ủy viên: 400.000 đồng/ĐC/ UV
4.6	Hội đồng đánh giá chuyên đề Tiến sĩ	Chủ tịch: 600.000 đồng/CĐ Thư ký: 550.000 đồng/CĐ Ủy viên: 400.000 đồng/CĐ
4.7	Phản biện độc lập Luận án Tiến sĩ	2.500.000 đồng/LA
4.8	Hội đồng đánh giá Luận án Tiến sĩ (cấp cơ sở và cấp Trường)	Chủ tịch: 1.300.000 đồng/LA Thư ký: 1.200.000 đồng/LA Phản biện: 1.500.000 đồng/LA/ UV Ủy viên: 1.000.000 đồng/LA/ UV
5.	Tuần Sinh hoạt công dân SV, Chính trị năm học.	- Tiền xây dựng bài giảng, đề thi, giảng dạy: 600.000đ/buổi (3 tiết) - Phụ cấp công tác chuẩn bị, tổng hợp đánh giá trên E-learning...: 3.000.000 đồng/đợt/năm + Hỗ trợ bồi dưỡng CBVC quản lý lớp ngoài giờ: 1 buổi gồm 2 CBVC quản lý, 50.000 đồng/người/buổi + Hỗ trợ bồi dưỡng nhân viên quản lý hội trường và vệ sinh hội trường gồm: 02 người, 50.000 đồng/người/ngày

44. Sửa đổi nội dung tại Nhóm D, Phụ lục II

TT	Nội dung công việc		Thanh toán tiền
1	Cố vấn học tập (tính cho 1 học kỳ)	Lớp dưới 40 SV	1.120.000 đồng/lớp
		Lớp 40 SV trở lên	28.000 đồng/SV
2	Hội đồng xây dựng hồ sơ mở ngành đào tạo		28.000.000 đồng/HĐ
3	Hội đồng xây dựng chương trình đào tạo mới (ĐH, SDH)		14.000.000 đồng/HĐ
4		Chủ tịch HĐ	2.000.000 đồng

TT	Nội dung công việc		Thanh toán tiền
	Hội đồng thẩm định/nghiệm thu chương trình đào tạo mới (ĐH, SĐH)	Thư ký HĐ	900.000 đồng
		Ủy viên phản biện	2.000.000 đồng
		Ủy viên	700.000 đồng
5	Cập nhật chương trình đào tạo ĐH, SĐH (2 năm/lần)		4.200.000 đồng/chương trình
6	Xây dựng đề cương học phần mới (ĐH, SĐH)		350.000 đồng/tín chỉ
7	Phản biện tài liệu (tính chung cho 02 cán bộ)		35.000 đồng/ trang tác giả
8	Hội đồng nghiệm thu và xét duyệt cấp trường		21.000 đồng/trang dự kiến
9	Hội đồng đánh giá tài liệu	Chủ tịch	350.000 đồng
		Thư ký	280.000 đồng
		Ủy viên	210.000 đồng
10	Biên soạn tài liệu giảng dạy (hỗ trợ tối đa đến 200 trang tác giả)	Giáo trình	150.000 đồng/trang tác giả
		Sách chuyên khảo	115.000 đồng/trang tác giả
		Sách tham khảo	115.000 đồng/trang tác giả
		Sách hướng dẫn	75.000 đồng/trang tác giả
		Sách dịch	75.000 đồng/trang tác giả
		Giáo trình tái bản	75.000 đồng/trang tác giả
11	Hỗ trợ kinh phí xuất bản đối với tài liệu biên soạn mới, được xuất bản từ các NXB được HDGSNN công nhận. Đối với VC trong quy hoạch GS, PGS thì hỗ trợ xuất bản theo mức tại Điều 22 (50% phí xuất bản, tối đa 20.000.000 đồng)		5.000.000 đồng/tài liệu

45. Bổ sung nội dung tại Phụ lục IV

- Phòng máy tính
- Trại Thực nghiệm Ninh Phụng & trại Cam Ranh⁸

46. Sửa đổi, bổ sung nội dung tại Mục I, Phụ lục V

1. SV được Nhà trường cử đi tham dự các cuộc thi được hưởng chế độ công tác phí quy định tại Khoản 1, Điều 13.

2. SV được Nhà trường cử tham dự các cuộc thi ngoài trường và đạt giải, ngoài số tiền thưởng của Ban tổ chức cuộc thi chi trả, được Hiệu trưởng tặng Giấy khen kèm tiền thưởng với các mức như sau:

2.1. Cuộc thi cấp Trường với quy mô có từ 1.000 SV tham gia trở lên:

Giải	Giải Nhất	Giải Nhì	Giải Ba	Giải khuyến khích
Cá nhân	750.000 đồng/SV	500.000 đồng/SV	375.000 đồng/SV	200.000 đồng/SV
Tập thể	2.000.000 đồng	1.250.000 đồng	750.000 đồng	500.000 đồng

Cuộc thi cấp Trường với quy mô dưới 1.000 SV tham gia tính mức thưởng bằng 80%.

2.2. Cuộc thi cấp khu vực (trong nước) với quy mô có từ 10 Trường tham gia trở lên:

Giải	Giải Nhất	Giải Nhì	Giải Ba	Giải khuyến khích
Cá nhân	1.500.000 đồng/SV	1.000.000 đồng/SV	750.000 đồng/SV	400.000 đồng/SV
Tập thể	4.000.000 đồng	2.500.000 đồng	1.500.000 đồng	1.000.000 đồng

Cuộc thi cấp khu vực với quy mô dưới 10 Trường tham gia tính mức thưởng bằng 80%.

2.3. Cuộc thi cấp toàn quốc với quy mô có từ 20 Trường tham gia trở lên:

Giải	Giải Nhất	Giải Nhì	Giải Ba	Giải khuyến khích
Cá nhân	3.000.000 đồng/SV	2.000.000 đồng/SV	1.500.000 đồng/SV	800.000 đồng/SV
Tập thể	8.000.000 đồng	5.000.000 đồng	3.000.000 đồng	2.000.000 đồng

⁸ Khi được chế độ phụ cấp độc hại khi làm việc tại các Trại Thực nghiệm Ninh Phụng & trại Cam Ranh Thủ trưởng đơn vị phải làm rõ thuyết minh việc sử dụng phòng thực hành đó

Cuộc thi cấp toàn quốc quy mô dưới 20 Trường tham gia tính mức thưởng bằng 80%.

3. SV tham dự các cuộc thi do Nhà trường tổ chức và đạt giải, được khen thưởng theo quy định tại mục 2.1 của Phụ lục này.

Những trường hợp đặc biệt Hiệu trưởng sẽ xem xét quyết định.

47. Sửa đổi nội dung tại Mục V Phụ lục VII.

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức chi	Số lượng /năm	Định mức chi tối đa/năm (đồng)
1	Video Điểm tin nội bộ (mỗi tháng 1 video, VPT chủ trì)	Video	1.500.000	12	18.000.000
	Xây dựng kịch bản		500.000		
	Quay hình + MC + voice		550.000		
	Dựng phim + đồ họa		400.000		
	Đăng bài + nội dung bài đăng		50.000		
2	Video phóng sự về các hoạt động nổi bật (Phòng HTQT chủ trì)	Video	2.000.000	5	10.000.000
	Xây dựng kịch bản		700.000		
	Quay hình + phỏng vấn		700.000		
	Dựng phim + đồ họa		500.000		
	Đăng bài + nội dung bài đăng		100.000		
3	Video phỏng vấn cựu SV, gương điển hình, video quảng bá ngắn ... (VPT thực hiện)	Video	1.000.000	20	20.000.000
	Xây dựng kịch bản		300.000		
	Quay hình + voice		350.000		
	Dựng phim + đồ họa		300.000		
	Đăng bài + nội dung bài đăng		50.000		

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức chi	Số lượng /năm	Định mức chi tối đa/năm (đồng)
4	Video TVC cơ bản (Phòng ĐTDH phối hợp với các Khoa/Viện)	Video	3.000.000	10	30.000.000
	Xây dựng kịch bản hình ảnh + nội dung		500.000		
	Quay hình		1.200.000		
	Dựng phim + đồ họa		1.200.000		
	Đăng bài + nội dung bài đăng		100.000		
5	Video TVC chuyên nghiệp (VPT thực hiện, thuê đơn vị ngoài)	Video	20.000.000	01	20.000.000
6	Infographic (Phòng ĐTDH phối hợp với các đơn vị)	Bài/Chủ đề	200.000	200	40.000.000
7	Tin bài đăng website (400-500 chữ)	Bài/Tin	100.000	250	25.000.000
	Thu thập thông tin + chụp ảnh		50.000		
	Đăng bài + nội dung bài đăng		50.000		
8	Bài viết phân tích tổng hợp, hoặc chuyên đề (VPT phối hợp với các đơn vị)	Bài ≥1300 chữ	400.000	10	4.000.000
	Thu thập thông tin + chụp ảnh		100.000		-
	Phỏng vấn các bên liên quan		50.000		
	Viết bài		200.000		
	Đăng bài		50.000		
9	Phóng sự ảnh theo chủ đề (Phòng ĐTDH phối hợp với các đơn vị)	Chuỗi ≥ 8 ảnh	500.000	5	2.000.000

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức chi	Số lượng /năm	Định mức chi tối đa/năm (đồng)
	Chụp ảnh + chọn lọc và chỉnh sửa		300.000		
	Chú thích hình ảnh		150.000		
	Đăng bài + nội dung bài đăng		50.000		
10	Livestream (<i>Phòng ĐTDH chủ trì</i>)	Buổi	3.000.000	20	60.000.000
	Khách mời/Khoa/Viện		1.800.000		
	MC (kịch bản)		200.000		
	Kỹ thuật + hậu cần		1.000.000		
11	Minigame (<i>Phòng ĐTDH phối hợp Đoàn TN-Hội SV và các Khoa/Viện</i>)	Game	3.000.000	10	30.000.000
	Giải thưởng				
	1. Giải Nhất		1.000.000		
	2. Giải Nhì		350.000		
	3. Giải Ba		200.000		
	Tác giả		200.000		
	Hỗ trợ kỹ thuật + hậu cần thực hiện minigame		500.000		
12	Chạy quảng cáo Facebook (<i>VPT chủ trì</i>)	Chiến dịch	5.000.000	10	50.000.000
	Thực hiện bài viết + thiết kế hình ảnh		100.000		
	Thao tác chạy quảng cáo (18k lượt tiếp cận/ngày)		100.000		
	Ngân sách quảng cáo		4.800.000		

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức chi	Số lượng /năm	Định mức chi tối đa/năm (đồng)
13	Tư vấn trực fanpage (Phòng ĐTDH chủ trì)	fanpage			
	Tháng thấp điểm (tháng 10 - tháng 3): 2 người/tháng x 6 tháng	Đồng/ Người/ tháng	500.000	12	6.000.000
	Tháng cao điểm (tháng 4 - tháng 9): 6 người/tháng x 6 tháng		1.000.000	36	36.000.000
14	Đăng bài trên báo giấy/báo điện tử (Phòng ĐTDH chủ trì)				
	Đăng bài trên báo điện tử	Bài	Theo báo giá/ biểu phí của đơn vị cung cấp	10	
	Đăng bài trên báo giấy	Bài	Theo báo giá/ biểu phí của đơn vị cung cấp	10	

Đơn vị được giao chủ trì lập kế hoạch trong kế hoạch tài chính hằng năm của đơn vị trình Hiệu trưởng phê duyệt và triển khai thực hiện.